

**CÔNG TY TNHH THẠCH CAO THIÊN KHÔI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THẠCH CAO THIÊN KHÔI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502525976

**3. Ngày thành lập:** 19/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 4, Ấp Hải Lâm, Xã Phước Hưng, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 02543757979

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                                                        | 4299        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết : Thi công trần thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330(Chính) |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động chống thấm, chống ẩm công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                         | 4390        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, lắp đặt giàn giáo                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752 |
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4211 |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4223 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229 |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4291 |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4292 |
| 21. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4293 |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, dự thầu, đấu thầu; phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu; lập báo cáo hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu; lập dự án đầu tư các công trình xây dựng; quản lý dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng; dịch vụ tư vấn các công trình xây dựng<br>-Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...); giám sát lắp đặt thiết bị công trình dân dụng công nghiệp; giám sát công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;<br>Thiết kế kiến trúc, kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; thiết kế công trình hạ tầng đô thị; thiết kế công trình giao thông (cầu, đường, cống...); thiết kế công trình thủy lợi, thiết kế hệ thống điện, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp | 7110 |
| 23. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7120 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN LƯƠNG HẬU

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/08/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049088008901

Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bồ Mưng 1, Phường Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 4, Ấp Hải Lâm, Xã Phước Hưng, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN LƯƠNG HẬU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049088008901

Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bồ Mưng 1, Phường Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 4, Ấp Hải Lâm, Xã Phước Hưng, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu